

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2605/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Cẩm Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Thanh Giàu
2. Ông Trần Văn Khuyển

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Nhật Phương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1229/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4992/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4520/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Th, sinh năm: 1980

Địa chỉ: khu phố Ích Thạnh, phường T, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Ông Đỗ Văn B, sinh năm: 1976

Địa chỉ: tổ 7, khu phố Ích Thạnh, phường T, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong Đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày: Bà và ông Đỗ Văn B tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn từ năm 2002. Cuộc sống vợ chồng sau khi kết hôn vẫn bình thường nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, chúng tôi bất đồng nhiều trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, cả hai cũng đã nộp đơn ra Tòa án nhiều lần và đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả, vợ chồng đã thật sự không còn khả năng đoàn tụ, bản thân bà Th không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn để rõ ràng về mặt pháp lý. Bà Th và ông B có 02 người con chung tên Đỗ VA, sinh ngày 31/10/2002 và Đỗ Thị TT, sinh ngày 12/12/2006, hiện nay con trai Đỗ VA đã trưởng thành, con gái Đỗ Thị TT đang chung sống với bà Th. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi trẻ TT, không

yêu cầu ông Đỗ Văn B phải cấp dưỡng nuôi con. Bà không yêu cầu giải quyết tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung.

Ông Đỗ Văn B có bản tự khai trình bày: Ông xác nhận quá trình chung sống, kết hôn và có con chung như bà Th đã trình bày. Ông cho rằng giữa vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ, ông cũng muốn vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng nếu bà Th kiên quyết ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn và xin được trực tiếp nuôi con chung Đỗ Thị TT, con chung Đỗ VA hiện nay đã trưởng thành. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Ông và bà Th không có nợ chung.

Tại phiên tòa:

Bà Lê Thị Th và ông Đỗ Văn B có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đảm bảo thủ tục tố tụng về việc thụ lý vụ án và cấp tổng đạt văn bản tố tụng theo đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Việc các đương sự có đơn xin được vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Lê Thị Th và ông Đỗ Văn B là có thật. Bà Th xin ly hôn, xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông B không đồng ý nhưng nếu bà Th kiên quyết thì ông B cũng đồng ý ly hôn và xin được nuôi con chung. Ông B không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức thể hiện ông B đã không còn xem trọng mối quan hệ hôn nhân với bà Th. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Đỗ Văn B, giao con chung Đỗ Thị TT cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà Th không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con. Đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả thảo luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TĐ, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Th nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Văn B có nơi cư trú tại thành phố TĐ. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: bị đơn ông Đỗ Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết tranh chấp ly hôn với bà Lê Thị Th, ông B đã đến Tòa án trình bày ý kiến của mình nhưng sau đó không đến Tòa theo các văn bản tố tụng mà Tòa án đã tổng đạt cho ông B. Tại phiên tòa, ông Đỗ Văn B và bà Lê Thị Th cùng có đơn xin vắng mặt. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà Th.

## 2. Về nội dung:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 15/2002, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã XH, huyện VT, tỉnh TB cấp ngày 31 tháng 5 năm 2002 có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Lê Thị Th và ông Đỗ Văn B là hợp pháp.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, có cơ sở xác định: Mâu thuẫn giữa bà Lê Thị Th và ông Đỗ Văn B là có thật, vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà Th xác định tình cảm không còn, vợ chồng không có khả năng hàn gắn những bất hòa, ông B cho rằng vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ không muốn ly hôn nhưng nếu bà Th kiên quyết ly hôn thì ông B cũng đồng ý. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân của ông B và bà Th không còn khả năng hàn gắn, mâu thuẫn của vợ chồng được xem là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu của bà Lê Thị Th xin được ly hôn với ông Đỗ Văn B là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Th và ông B có 02 người con chung tên Đỗ VA, sinh ngày 31/10/2002 và Đỗ Thị TT, sinh ngày 12/12/2006, hiện nay con trai Đỗ VA đã trưởng thành, con gái Đỗ Thị TT đang chung sống với bà Th. Việc bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là xuất phát từ tình thương và trách nhiệm, ông B cũng có ý kiến muốn trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyện vọng của trẻ Đỗ Thị TT muốn được ở với mẹ nên giao trẻ TT cho bà Lê Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận bà Th tự nguyện không yêu cầu ông Đỗ Văn B cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Các đương sự tự khai không có nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Lê Thị Th phải nộp là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: cho bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Đỗ Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2002, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã XH, huyện VT, tỉnh TB cấp ngày 31 tháng 5 năm 2002 cho bà Lê Thị Th và ông Đỗ Văn B không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên Đỗ VA, sinh ngày 31/10/2002 (đã thành niên) và Đỗ Thị TT, sinh ngày 12/12/2006. Giao con chung tên Đỗ Thị TT (nữ), sinh ngày 12/12/2006 cho bà Lê Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà Th không yêu cầu ông Đỗ Văn B cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Lê Thị Th phải nộp 300.000 đồng nhưng được cản trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0047363 ngày 29/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Th đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với trường hợp vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Tp.TĐ;
- Chi cục THADS Tp.TĐ;
- UBND xã XH,
- huyện VT, tỉnh TB;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Cẩm Hiền